

Bản án số: 74/2022/DS-ST  
Ngày: 16 - 8 - 2022  
V/v: “Tranh chấp dân sự  
về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Văn H.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành P.

2. Bà Diệp Thị Thu N.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** bà Phan Thị Dáng H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2022/TLST-DS ngày 09/5/2022 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2022/QĐXX-DS ngày 04/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2022/QĐST-DS ngày 21/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị K , sinh năm 1953. (có mặt).

Địa chỉ: tổ 13, ấp S, xã V , huyện T , tỉnh A .

2. *Bị đơn:* - Ông Đặng Chí T , sinh năm 1976. (vắng mặt).

- Bà Dương Thị Mỹ H , sinh năm 1976. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: tổ 13, ấp S, xã V , huyện T , tỉnh A .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 30/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: vào năm 2019, bà K có cho vợ chồng ông Đặng Chí T và bà Dương Thị Mỹ H vay tiền 02 lần, với tổng số tiền 170.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất, vay 120.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, khi vay có làm biên nhận ngày 05/11/2019.

- Lần thứ hai, vay 50.000.000 đồng để sửa máy cuốc, khi vay làm hợp đồng mượn tiền ngày 10/11/2019.

Khi vay tiền, các bên thỏa thuận khi nào bà K cần tiền thì ông T , bà H sẽ trả lại nhưng đến khi bà K yêu cầu trả tiền thì ông T , bà H tìm cách né tránh, không thực hiện. Nay, bà K yêu cầu ông Đặng Chí T và bà Dương Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền vay 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) theo Biên nhận ngày 05/11/2019 và Hợp đồng mượn tiền ngày 10/11/2019, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Đặng Chí T và bà Dương Thị Mỹ H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt, không lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc ông Đặng Chí T , bà Dương Thị Mỹ H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 170.000.000 đồng.

+ Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí sơ thẩm: các bị đơn liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đặng Chí T , bà Dương Thị Mỹ H có địa chỉ tại xã

V, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Đặng Chí T, bà Dương Thị Mỹ H đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông T và bà H đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị K yêu cầu ông Đặng Chí T, bà Dương Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Biên nhận tiền ngày 05/11/2019 và Hợp đồng mượn tiền ngày 10/11/2019 do ông Đặng Chí T, bà Dương Thị Mỹ H ký nhận.

[3.1] Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2022 được Công an xã V, huyện T, tỉnh A cung cấp như sau: ông Đặng Chí T, sinh năm 1976 và bà Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1976 có hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã V, huyện T, tỉnh A nhưng hiện nay vợ chồng ông T, bà H thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập ông Đặng Chí T, bà Dương Thị Mỹ H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ nhưng ông T, bà H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không lý do và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 170.000.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Bị đơn ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà K căn cứ vào Biên nhận tiền ngày 05/11/2019 và Hợp đồng mượn tiền ngày 10/11/2019 để yêu cầu ông T, bà K có trách nhiệm liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T và bà H bị buộc liên đới trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K .**

**1.1.** Buộc ông Đặng Chí T , bà Dương Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

**1.2.** Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Đặng Chí T và bà Dương Thị Mỹ H phải chịu chung 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 4.250.000 đồng (bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009181, ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

**3. Về quyền kháng cáo:** các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Trần Văn H**